TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 03 tháng 8 năm 2021

ĐIỂM THU HOẠCH THỰC TẾ
Lớp: Trung cấp lý luận chính trị - hành chính khóa 78 (huyện Nguyên Bình)

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
1	Nguyễn Ngô Ban	8.50	Tám phẩy năm	42	Lâm Thị Ngân	8.00	Tám
2	Đinh Đức Bình	8.00	Tám	43	Hà Thị Ngọc	7.75	Bảy phẩy bảy năm
3	Nông Thị Chang	8.00	Tám	44	Hoàng Thị Minh Nguyệt	7.75	Bảy phẩy bảy năm
4	Hà Lê Chương	7.50	Bảy phẩy năm	45	Lục Mùi Nhậy	7.50	Bảy phẩy năm
5	Du Thị Chuyên	8.00	Tám	46	Hoàng Thị Hợp Như	7.50	Bảy phẩy năm
6	Nông Thị Kim Cúc	8.00	Tám	47	Âu Thị Nối		**Thôi học**
7	Lương Tân Cương	7.75	Bảy phẩy bảy năm	48	Vương Thị Oanh	7.75	Bảy phẩy bảy năm
8	Mạc Văn Cường	7.50	Bảy phẩy năm	49	Phùng Sùn On	7.50	Bảy phẩy năm
9	Nông Thị Thùy Dung	8.25	Tám phẩy hai năm	50	Bàn Chàn Phấy	7.50	Bảy phẩy năm
10	Hà Văn Dũng	8.00	Tám	51	Bàn Đức Phú	8.25	Tám phẩy hai năm
11	Hoàng Hồng Duyên	7.50	Bảy phẩy năm	52	Triệu Văn Quyết	7.75	Bảy phẩy bảy năm
12	Chu Tiến Đại	7.75	Bảy phẩy bảy năm	53	Nông Văn Tài	8.00	Tám
13	Lãnh Văn Giang	7.75	Bảy phẩy bảy năm	54	Đặng Tuấn Tâm	8.00	Tám
14	Chu Thị Hà	8.25	Tám phẩy hai năm	55	Đỗ Thị Tâm	8.00	Tám
15	Lê Thu Hà	8.25	Tám phẩy hai năm	56	Nông Văn Tế	8.25	Tám phẩy hai năm
16	Lý Tiến Hải	7.75	Bảy phẩy bảy năm	57	Ngân Thị Thắm	7.50	Bảy phẩy năm
17	Phan Thị Thanh Hằng	8.00	Tám	58	Lý Văn Thắng	7.75	Bảy phẩy bảy năm
18	Nông Thị Hạnh	8.50	Tám phẩy năm	59	Hoàng Thị Thanh	8.00	Tám
19	Đinh Thị Hạnh	8.00	Tám	60	Lý Văn Thanh	7.75	Bảy phẩy bảy năm
20	Nông Trung Hiếu	8.25	Tám phẩy hai năm	61	Đặng Hữu Thành	8.25	Tám phẩy hai năm
21	Nông Thị Hiếu	8.00	Tám	62	Hà Văn Thành	7.50	Bảy phẩy năm
22	Hà Thanh Hoài	8.00	Tám	63	Đặng Tiến Thành	7.75	Bảy phẩy bảy năm
23	Hà Thị Hồng	7.75	Bảy phẩy bảy năm	64	Đinh Phương Thảo	8.50	Tám phẩy năm
24	Nguyễn Thị Hồng	8.50	Tám phẩy năm	65	Nông Thị Thảo	7.50	Bảy phẩy năm
25	Trần Mai Huệ	8.50	Tám phẩy năm	66	Ma Thị Thoan	7.50	Bảy phẩy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
26	Hoàng Văn Hùng	7.50	Bảy phẩy năm	67	Lô Ngọc Thông	7.75	Bảy phẩy bảy năm
27	Nông Văn Hùng	7.75	Bảy phẩy bảy năm	68	Bế Hoài Thu	8.50	Tám phẩy năm
28	Đàm Thị Hương	8.25	Tám phẩy hai năm	69	Nguyễn Thị Thuấn	8.25	Tám phẩy hai năm
29	Đặng Tiến Khang	8.00	Tám	70	Nguyễn Thủy Tiên	8.25	Tám phẩy hai năm
30	Nông Văn Khiêm	8.00	Tám	71	Hoàng Quang Tiến	7.50	Bảy phẩy năm
31	Đặng Vần Kinh	7.50	Bảy phẩy năm	72	Lý Phụ Tỉnh	7.50	Bảy phẩy năm
32	Lê Văn Lập	8.25	Tám phẩy hai năm	73	Lãnh Thị Tơm	8.25	Tám phẩy hai năm
33	Ma Văn Lợi	8.00	Tám	74	Nguyễn Hữu Trung	8.25	Tám phẩy hai năm
34	Bàn Hữu Lợi	7.75	Bảy phẩy bảy năm	75	Trương Văn Tường	8.00	Tám
35	Nông Bảo Long	8.50	Tám phẩy năm	76	Đàm Thị Uyên	8.25	Tám phẩy hai năm
36	Hoàng Văn Luân	7.75	Bảy phẩy bảy năm	77	Mai Thị Hồng Vân	8.00	Tám
37	Đoàn Thị Mai	8.25	Tám phẩy hai năm	78	Đặng Thị Viễn	8.25	Tám phẩy hai năm
38	Đàm Thị Mai	8.00	Tám	79	Lưu Thành Vĩnh	7.75	Bảy phẩy bảy năm
39	Hà Xuân Miên	7.50	Bảy phẩy năm	80	Bàn Thị Xuân	7.75	Bảy phẩy bảy năm
40	Hoàng Chàn Mình	7.75	Bảy phẩy bảy năm	81	Trần Thị Ánh (K79)	8.25	Tám phẩy hai năm
41	Triệu Mùi Mui	8.00	Tám				

Điểm 7.50: 16 điểm; Điểm 7.75: 19 điểm; Điểm 8.00: 21 điểm; Điểm 8.25: 17 điểm; Điểm 8.50: 07 điểm./.

GHI ĐIỂM

Đoàn Thị Kim Liên

PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Việt Hưng

HIỆU TRƯỞNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ HOÀNG ĐÌNH GIONG
TỈNH ỦY CAO BẰNG

Trịnh Thị Ánh Hoa